

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/DS-ST

Ngày: 24-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Thành Nam;

Ông Bùi Văn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Định – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06, 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quách Thị Q, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số A Rạch C, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Cao Thị H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1/ Đỗ Thị Ngọc O, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Theo Hợp đồng ủy quyền chứng thực ngày 01-12-2023).

2/ Phạm Thị Tố Q1, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Theo Hợp đồng ủy quyền chứng thực ngày 01-12-2023).

(Tại phiên tòa bà Q và bà O mặt; bà Q1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn Quách Thị Q:**

Ngày 17-6-2020, bà Q có cho vợ chồng bà Cao Thị H và ông Phạm Ngọc T vay số tiền 370.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 (sáu) tháng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, bà H và ông T có ký tên người nhận tiền bên dưới biên nhận lập ngày 17-6-2020. Sau khi vay tiền thì bà H và ông T có trả cho bà Q được 03 tháng tiền lãi với số tiền là 55.500.000 đồng. Khi vay tiền thì bà H và ông T đang sinh sống ở địa chỉ: Đường N, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp nhưng làm ăn thua lỗ nên thời gian sau bà H và ông T không sinh sống ở đó nữa và cũng không trả nợ cho bà Q. Bà Q tìm kiếm rất lâu mới biết bà H ở địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên bà Q mới khởi kiện bà H đến Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng. Do bà Q không biết hiện nay ông T đang sinh sống ở đâu nên bà Q chỉ khởi kiện yêu cầu một mình bà H trả nợ cho bà Q.

Khi khởi kiện bà Q yêu cầu một mình bà H trả cho bà Q số tiền vay gốc là 370.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bà Q xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà Q thống nhất điều chỉnh lãi suất cho vay là 1,66%/tháng, bà Q yêu cầu bà H trả cho bà Q 1/2 số tiền vay còn thiếu gốc sau khi điều chỉnh trừ đi phần tiền lãi bà H, ông T đã trả vào tiền vay gốc thì còn lại số tiền vay gốc là 166.153.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền vay gốc còn lại là 166.153.000 đồng từ ngày 17-9-2020 đến ngày xét xử là 48 tháng (tính tròn) với lãi suất 1,66%/tháng là 132.390.000 đồng (làm tròn), tổng cộng gốc và lãi là 298.543.000 đồng. Đây là phần bà H thiếu, còn 1/2 số tiền vay còn lại 166.153.000 đồng là phần nợ của ông T khi nào bà Q tìm được ông T thì bà Q sẽ khởi kiện ông T thành vụ án khác.

*** Theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Cao Thị H là bà Đỗ Thị Ngọc O:** Bà H thừa nhận có ký tên và ghi họ tên bên dưới biên nhận ngày 17-6-2020 như bà Q trình bày ở trên nhưng bà H không có vay tiền của bà Q mà chỉ ký tên làm chứng, người nhận tiền ở phần nội dung trong biên nhận) thì cũng chỉ có ghi tên một mình ông Phạm Ngọc T, không có ghi tên của bà H. Do thời điểm đó bà H và ông T đang chung sống với nhau như vợ chồng (bà H và ông T có tổ chức bữa tiệc báo cho bạn bè, người thân hay rồi sống chung nhưng không có đăng ký kết hôn; giữa bà H và ông T thì tiền ai nấy xài, việc ai nấy làm, không có làm ăn kinh tế chung) nhưng bà H chỉ ký tên với tư cách là người làm chứng chứ bà H không có vay tiền mà số tiền đó là do ông T vay, thời điểm đó ông T và con bà Q tên Trần Quốc T1 hùn hạp làm ăn với nhau mà thiếu vốn nên mới vay tiền của bà Q, do chỗ tình nghĩa thân quen nên bà Q kêu bà H ký tên làm chứng để làm tin.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà Q thì bà H không đồng ý, bà H không có vay tiền của bà Q mà chỉ thừa nhận rằng sau khi ông T vay tiền của bà Q thì có đưa cho bà H 2.000.000 đồng nên nay bà H chỉ đồng ý trả cho bà Q số tiền 2.000.000 đồng chứ không đồng ý trả cho bà Q số tiền vay gốc, lãi như bà Q yêu cầu, số tiền đó là do ông T vay nên người bà Q yêu cầu trả nợ là ông T mới đúng. Bà H yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để xem xét giải quyết vụ án.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự và Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quách Thị Q, buộc bà Cao Thị H trả cho bà Quách Thị Q số tiền vay còn nợ gốc là 166.153.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 17-9-2020 đến ngày xét xử làm tròn là 48 tháng với lãi suất là 1,66%/tháng, thành tiền là 132.390.000 đồng, tổng cộng gốc lãi là 298.543.000 đồng.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Không yêu cầu, kiến nghị khác phục vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Cao Thị H là bà Phạm Thị Tố Q1 vắng mặt không lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện để giải quyết vụ án của bị đơn thì Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn khởi kiện căn cứ theo biên nhận ngày 17-6-2020 có ông Phạm Ngọc T, bà Cao Thị H ký nhận tiền của bà Q 370.000.000 đồng, thời hạn trả là 06 tháng thì đến ngày 17-12-2020 sẽ là ngày

trả nợ nhưng ông T, bà H không trả. Như vậy quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm là ngày 17-12-2020 mà nguyên đơn khởi kiện ngày 27-9-2023 thì vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ Luật dân sự nên không chấp nhận yêu cầu của bị đơn mà Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn Quách Thị Q căn cứ vào biên nhận ngày 17-6-2020 có ông Phạm Ngọc T, bà Cao Thị H ký nhận tiền của bà Q 370.000.000 đồng để khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà H trả cho bà Q 1/2 số tiền vay còn thiếu gốc sau khi điều chỉnh trừ đi phần tiền lãi bà H đã trả vào tiền vay gốc thì còn lại số tiền vay gốc là 166.153.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền vay gốc còn lại là 166.153.000 đồng từ ngày 17-9-2020 đến ngày xét xử là 48 tháng (tính tròn) với lãi suất 1,66%/tháng là 132.390.000 đồng (làm tròn), tổng cộng gốc và lãi là 298.543.000 đồng. Còn số tiền gốc 166.153.000 đồng còn lại thì khi nào bà Q tìm được ông T thì bà Q sẽ khởi kiện ông T thành vụ án khác.

Bà H thừa nhận có ký tên và ghi họ tên bên dưới Biên nhận ngày 17-6-2020 như bà Q trình bày nhưng bà H cho rằng chỉ ký tên với tư cách là người làm chứng chứ bà H không có vay tiền của bà Q mà ông T mới là người vay tiền của bà Q, sau khi vay tiền thì ông T có đưa cho bà H số tiền 2.000.000 đồng nên nay bà H chỉ đồng ý trả cho bà Q số tiền 2.000.000 đồng.

Xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình thì bà Q có giao nộp cho Tòa án Biên nhận ngày 17-6-2020 như đã nêu trên và bà Q chỉ yêu cầu bà H thực hiện 1/2 nghĩa vụ trong biên nhận. Bà H thừa nhận có ký tên bên dưới từ “NGƯỜI NHẬN TIỀN” ở cuối biên nhận, tuy nhiên bà H cho rằng chỉ ký tên với tư cách người làm chứng chứ không có vay tiền của bà Q mà ông T là người vay tiền của bà Q và ông T có đưa cho bà H số tiền 2.000.000 đồng. Bà Q không thống nhất với trình bày của bà H, trong khi bà H không còn chứng cứ gì khác để chứng minh.

Tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh:

“2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.”.

Do lý lẽ của bị đơn Cao Thị H đưa ra là không có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Quách Thị Q, buộc bà Cao Thị H trả cho bà Quách Thị Q số tiền vay còn thiếu gốc là 166.153.000 đồng, lãi 132.390.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 298.543.000 đồng là phù hợp với quy định tại các điều 287, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”*. Trong vụ án này bị đơn Cao Thị H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Quách Thị Q số tiền là 298.543.000 đồng nên phải có nghĩa vụ chịu $5\% \times 298.543.000 \text{ đồng} = 14.927.150 \text{ đồng}$ (làm tròn là 14.927.000 đồng) án phí.

Nguyên đơn Quách Thị Q không phải chịu án phí và được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét xử lý.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 26, 35, 39, 91, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 287, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Quách Thị Q.

Buộc bà Cao Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Quách Thị Q số tiền vay còn thiếu gốc là 166.153.000 đồng, lãi là 132.390.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 298.543.000 đồng (Hai trăm chín mươi tám triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày 25-9-2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Cao Thị H phải có nghĩa vụ chịu 14.927.000 đồng (Mười bốn triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn đồng) án phí.

Nguyên đơn Quách Thị Q không phải chịu án phí và được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét xử lý.

3. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24-9-2024).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Dương